

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÙ MỸ  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2021/HNGĐ-ST

Ngày 19-8-2021.

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Tùng.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Tiến Dũng;

2. Ông Nguyễn Lộc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Dư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Mai Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021, về tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2599/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2674/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị S, sinh năm: 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn AL, xã MC, huyện PM, tỉnh BD.

2. *Bị đơn:* Anh Cao Văn M, sinh năm: 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn VL, xã MT, huyện PM, tỉnh BD.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị S trình bày:**

+ Về hôn nhân: Chị Trương Thị S và anh Cao Văn M kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện PM, tỉnh BD vào ngày 05 tháng 01 năm 2001. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2003 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2003 đến nay. Chị S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị S yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Cao Văn M.

+ Về con chung: Có 02 người là Cao Thị Cẩm V, sinh ngày 30/10/1999 và Cao Đức T, sinh ngày 22/5/2003. Khi ly hôn cháu V đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu T ở với ai thì theo nguyện vọng của cháu. Nếu cháu T ở với chị S thì chị S không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn anh Cao Văn M:** Anh Cao Văn M có nơi cư trú tại thôn VL, xã MT, huyện PM, tỉnh BD. Anh M biết được Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ kiện ly hôn của vợ chồng; được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án, nhưng anh M không có văn bản trình bày ý kiến về việc Tòa án thụ lý vụ án gửi đến Tòa án; cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hòa giải.

- Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn chị S và bị đơn anh M vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị S giữ nguyên ý kiến nói trên, hiện nay cháu T đã trưởng thành, sức khỏe đảm bảo nên không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp “Ly hôn” và bị đơn cư trú tại huyện PM, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định theo quy định của khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Trương Thị S được ly hôn với anh Cao Văn M.

+ Về con chung: Có 02 người con chung là Cao Thị Cẩm V, sinh ngày 30/10/1999 và Cao Đức T, sinh ngày 22/5/2003 đã đủ 18 tuổi, có đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân, nên không xét.

+ Về tài sản chung: Chị Trương Thị S không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, do không làm việc được với anh Cao Văn M nên vấn đề này sẽ được xem xét trong một vụ án khác, nếu các bên đương sự có yêu cầu.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị Trương Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn chị Trương Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn anh Cao Văn M được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[1.2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ kiện “Ly hôn” và người bị kiện cư trú tại huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trương Thị S và anh Cao Văn M kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện PM, tỉnh BĐ vào ngày 05 tháng 01 năm 2001 là phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số: 06, quyển số 01 của UBND xã MT, huyện PM cấp cho Cao Văn M và Trương Thị S ngày 05/01/2001 (bản chính). Nên hôn nhân giữa chị S và anh M là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị S cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2003 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh M

sống thiếu trách nhiệm với gia đình và vợ chồng không chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc với nhau từ năm 2003 đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án cho anh M, nhưng anh M không có văn bản trình bày ý kiến đối với việc Tòa án thụ lý vụ án gửi đến Tòa án; không đến Tòa án để giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh M vắng mặt. Điều này cho thấy anh M bỏ mặt hậu quả hôn nhân của vợ chồng.

Xét hôn nhân giữa chị S và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có duy trì cũng không đem lại kết quả. Điều này phù hợp với thực tế và phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh M, chị S tại địa phương nơi anh M cư trú. Do đó, chấp nhận cho chị Trương Thị S được ly hôn với anh Cao Văn M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Trương Thị S trình bày: giữa chị S và anh M có 02 người con chung là Cao Thị Cẩm V, sinh ngày 30/10/1999 và Cao Đức T, sinh ngày 22/5/2003. Lời trình bày của chị S phù hợp với Giấy khai sinh số: 342, quyển số 02 ngày 30/7/2004 của Ủy ban nhân dân xã MC, huyện PM, tỉnh BD cấp cho Cao Thị Cẩm V, sinh ngày 30/10/1999 (bản chứng thực); Giấy khai sinh số: 343, quyển số 02 ngày 30/7/2004 của Ủy ban nhân dân xã MC, huyện PM, tỉnh BD cấp cho Cao Đức T, sinh ngày 22/5/2003 (bản chứng thực).

Hiện nay 02 người con chung của chị S, anh M là cháu V và cháu T đã trưởng thành (trên 18 tuổi), có sức khỏe đảm bảo, nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Trương Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, anh M không có văn bản nêu ý kiến đối với việc Tòa án thụ lý vụ án gửi đến Tòa án; không có mặt tại Tòa án trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh M vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Khi nào chị S và anh M có tranh chấp và yêu cầu thì Tòa án thụ lý, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; các điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của

Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:* Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị S.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trương Thị S được ly hôn với anh Cao Văn M.
2. Về con chung: Có 02 người là Cao Thị Cẩm V, sinh ngày 30/10/1999 và Cao Đức T, sinh ngày 22/5/2003 đã trưởng thành, có sức khỏe đảm bảo, nên không xét.
3. Về tài sản chung: Không xem xét trong vụ án này. Khi nào chị Trương Thị S, anh Cao Văn M có tranh chấp và yêu cầu thì Tòa án thụ lý, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị S đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008303 ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị S và anh Cao Văn M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- VKSND H.Phù Mỹ;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- THADS H.Phù Mỹ;
- UBND xã MT;
- Lưu VP- HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Bá Tùng**